

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 19 - 7 - 2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tổ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2021, về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST - DS ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962;
2. Ông Trần Hợp K, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Thôn Nh M, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hợp K là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Nh M, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đồng bị đơn: 1. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985
2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Thôn Nh M, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà T, anh Th vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 01 năm 2021, bản tự khai ngày 05 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hợp K trình bày:

Ngày 30/12/2018 anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H có vay vợ chồng bà T số tiền 136.950.000đ (Một trăm ba sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), hẹn một năm sẽ trả cho bà T, nhưng đến hẹn ông Th không trả nợ cho vợ chồng bà T, nên ngày 30/01/2020 ông Nguyễn Văn Th đã chốt nợ và viết giấy hẹn bà T đến 30/12/2020 sẽ trả hết tiền cả gốc và lãi.

Ngày 30/01/2020 ông Nguyễn Văn Th và vợ là bà Phạm Thị H ký vay vợ chồng bà T số tiền 136.600.000đ (Một trăm ba sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) thời hạn vay là 02 năm tức từ 30/10/2018 đến 30/10/2020 sẽ trả hết cả gốc và lãi. Ngày 31/01/2020 ông Th lại ký tiếp một giấy nợ bà T số tiền là 128.100.000đ (Một trăm hai tám triệu một trăm nghìn đồng). Cả ba giấy trên ông Th bà H đều hẹn bà T đến 30/12/2020 sẽ thanh toán hết cả gốc và lãi. Thực tế các số tiền trên là ông Th, bà H vay trước đó nhưng chưa trả được, nên bà T và ông Th, bà H mới thống nhất chốt nợ và làm lại giấy vay tiền như trên, các giấy tờ viết tay cũ không còn giá trị nên bà T đã hủy. Trong giấy vay tiền ông Th, bà H còn thế chấp cho bà T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Văn Th và Phạm Thị H, một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Văn Thuận và Lê Thị Thoa. Tuy nhiên bà T xét thấy ông Thuận, bà Thoa không liên quan đến việc vay nợ giữa bà T và ông Th, bà H, nên bà T đã chủ động trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thuận, bà Thoa. Hiện nay bà T chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th bà H và bà T chỉ khởi kiện ông Th bà H. Khi vay ông Th bà H còn cam kết với bà T nếu đến hạn không trả được nợ cho vợ chồng bà T thì vợ chồng bà T có quyền định đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Th bà H và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên cho vợ chồng bà T. Khi vay giữa bà T và vợ chồng ông Th bà H có Th thuận lãi suất vay là 1%/tháng. Đến hạn bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Th bà H thanh toán nợ nhưng ông Th bà H vẫn không trả nợ cho vợ chồng bà T. Từ khi viết giấy nợ đến nay vợ chồng ông Th chưa trả được gốc và lãi cho vợ chồng bà T. Hiện nay vợ chồng ông Th bà H còn nợ bà T số tiền gốc là 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Số lãi từ tháng 02/2020 đến nay ông Th bà H chưa thanh toán cho bà T. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông Th bà H phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho bà T là 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi từ tháng 02/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 02 năm 2021 bị đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh Th thừa nhận vợ chồng anh có vay tiền của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hợp K nhiều lần, anh Th không nhớ ngày tháng cụ thể, anh Th chỉ nhớ vào năm 2018 và năm 2020 có vay tiền các lần vay viết giấy bà T đều giữ. Anh Th nhớ số tiền vay trong khoảng là 317.000.000đ (Ba trăm mười bảy triệu đồng), vì vay nhiều lần nên anh Th không nhớ chính xác các con số, bà T yêu cầu vợ chồng anh ký vào giấy vay. Trong giấy vay nợ không Th thuận lãi, nhưng thực tế bà T tính lãi suất vay là 1%/tháng. Vợ chồng anh Th mới trả cho bà T được số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Th trả số nợ là 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Th thừa nhận có nợ vợ chồng bà T, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa thể thanh toán hết khoản nợ. Anh Th đề nghị cho vợ chồng anh được trả dần hàng quý, mỗi quý là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), anh

Th thừa nhận bà T đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 02 năm 2021 bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị H thừa nhận vợ chồng chị có vay tiền của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hợp K nhiều lần, chị H không nhớ ngày tháng cụ thể, chị H chỉ nhớ là năm 2020 có vay tiền các lần vay viết giấy bà T đều giữ. Chị H thừa nhận chị chỉ ký vào giấy vay số tiền 128.000.000đ (Một trăm hai tám triệu đồng), sau này bà T chốt lại các con số và yêu cầu vợ chồng chị ký vào giấy. Trong giấy vay nợ không Th thuận lãi, nhưng thực tế bà T tính lãi suất vay là 1%/tháng. Vợ chồng chị H mới trả cho bà T được số tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H trả số nợ là 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), đây là bà T đã cộng cả tiền lãi. Chị H thừa nhận chị chỉ ký một giấy vay nợ với bà T, tuy nhiên chị H thừa nhận các giấy vay tiền khác anh Th ký vay đều là phục vụ cho công việc của gia đình nên chị H đề nghị cho vợ chồng chị được trả dần hàng quý, mỗi quý là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho chị Phạm Thị H, chị H đã làm bản tự khai trình bày quan điểm của chị về vụ án. Thời điểm Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị H được tổng đạt hợp lệ thông báo nhưng chị H không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa để làm việc và cũng không ủy quyền cho anh Th.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H phải thanh toán toàn bộ số nợ là 401.650.0000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi từ tháng 02/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu anh Th chị H không trả được nợ đề nghị sang tên trích lục đất cho vợ chồng bà.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Th thừa nhận vợ chồng anh có vay nợ bà T tổng số tiền 401.650.0000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi từ tháng 02/2020 đến nay vợ chồng anh vẫn chưa trả được, khi vay vợ chồng anh có thể chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh. Nay anh có đề nghị bà T cho vợ chồng anh xin lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vợ chồng đi vay tiền về trả cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hợp K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H thanh toán số tiền nợ vợ chồng anh Th đã vay của ông bà, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn Nh M, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 3 điều 26; điểm a

khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Phạm Thị H đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H phải thanh toán số tiền nợ cho vợ chồng bà là 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi từ tháng 02/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ. Xét các giấy vay tiền và lời trình bày của các bên thì thấy giữa vợ chồng bà T và anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị H vay tiền của nhau từ năm 2018, tuy nhiên đến đầu năm 2020 mới làm lại các giấy vay tiền, bao gồm 03 giấy vay tiền: 01 giấy vay tiền ngày 30/01/2020 anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H ký vay nợ số tiền 136.600.000đ (Một trăm ba sáu triệu sáu trăm nghìn đồng); 01 giấy vay tiền ngày 30/01/2020 anh Nguyễn Văn Th ký vay nợ số tiền 136.950.000đ (Một trăm ba sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và 01 giấy vay tiền ngày 31/01/2020 anh Nguyễn Văn Th ký vay nợ số tiền là 128.100.000đ (Một trăm hai tám triệu một trăm nghìn đồng), trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, hạn ngày trả là ngày 30/12/2020 anh Th, chị H sẽ thanh toán khoản nợ cho vợ chồng bà T đúng hạn, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H cũng thừa nhận việc vợ chồng có vay nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị T nhiều lần tiền, tuy nhiên anh Th, chị H không nhớ chính xác số tiền do tất cả các lần vay đều do bà T giữ giấy vay. Tại bản tự khai trình bày quan điểm anh Th, chị H đều khẳng định vợ chồng đã thanh toán cho bà T số tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Anh Th cho rằng bà T chưa trừ số tiền nợ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào số tiền bà T đang yêu cầu. Tuy nhiên tại phiên tòa bà T cho rằng từ khi viết giấy vay nợ lại đến nay anh Th chị H chưa trả cho bà T được đồng nào. Tại phiên tòa anh Th thừa nhận vợ chồng anh có nợ vợ chồng bà T số tiền 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đồng thời anh Th cũng thừa nhận từ khi viết lại giấy vay tiền đến nay vợ chồng anh chưa trả được tiền lãi cũng như gốc cho bà T. Như vậy anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho vợ chồng bà T. Nguyên đơn là bà T, ông K yêu cầu vợ chồng anh Th, chị H phải thanh toán lại số tiền nợ 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất nguyên đơn bà T yêu cầu anh Th, chị H phải thanh toán tiền lãi từ tháng 02/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ với lãi suất 1%/tháng. Xét yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn thì thấy, trong các giấy vay tiền các bên không ghi rõ lãi suất, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận có Th thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 1%/tháng. Việc Th thuận lãi các bên

đều tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Số tiền lãi anh Th chị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T được tính như sau: $(401.650.000đ \times 1\% : 30 \text{ ngày}) \times 533 \text{ ngày} = 71.359.816đ$ (Bảy mươi một triệu ba trăm năm chín nghìn tám trăm mười sáu đồng). Như vậy tổng số tiền anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T gồm: Tiền gốc: 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Tiền lãi tính đến ngày 19/7/2021 là 71.359.816đ (Bảy mươi một triệu ba trăm năm chín nghìn tám trăm mười sáu đồng). Tổng cộng là 473.009.816đ (Bốn trăm bảy ba triệu không trăm linh chín nghìn tám trăm mười sáu đồng).

Các giấy vay nợ đều ghi nội dung nếu anh Th, chị H không trả đúng hạn các số tiền nợ trên thì bà T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa anh Th và bà T đều thừa nhận, anh Th thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà để vay tiền, tuy nhiên theo quy định việc thế chấp hợp lệ là phải được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thiệu Hóa, vì vậy việc tuyên thế chấp không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015;

Điều 6; Điều 9; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hợp K. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T số tiền gốc: 401.650.000 (Bốn trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Tiền lãi tính đến ngày xét xử (19/7/2021) là 71.359.816đ (Bảy mươi một triệu ba trăm năm chín nghìn tám trăm mười sáu đồng). Tổng cộng là 473.009.816đ (Bốn trăm bảy ba triệu không trăm linh chín nghìn tám trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự hoặc khi pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 22.920.392đ (Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn ba trăm chín hai đồng).

Trả lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tại pH thu số: AA/2018/0007399 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

